

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC**  
**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG. Các**  
**yếu tố tác động đến tình trạng bỏ học**  
**của trẻ em vùng Tây Bắc hiện nay**

*Chuyên ngành: Xã hội học*

*Mã số: 62.31.30.01*

Trong những năm gần đây, tỷ lệ học sinh bỏ học ở Việt Nam đã giảm mạnh ở tất cả các cấp học. Tuy nhiên, số lượng học sinh bỏ học vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm và cần tích cực khắc phục. Trong đó, các địa phương có tỷ lệ học sinh bỏ học cao chủ yếu là những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt ở vùng Tây Bắc - nơi có tỷ lệ bỏ học của trẻ em cao hơn so với các địa phương khác do kinh tế phát triển chậm, cơ sở hạ tầng kém, đường xá đi lại khó khăn và là vùng có nhiều dân tộc sinh sống với những phong tục tập quán và đặc trưng văn hóa khác. Vì vậy, việc tiến hành phân tích và đánh giá cụ thể về hiện trạng bỏ học của trẻ em vùng Tây Bắc nói riêng và nâng cao trình độ học vấn của người dân trong xã hội nói chung, đặc biệt là tìm giải pháp để có thể hạn chế tình trạng bỏ học ở trẻ đang đặt ra vấn đề cấp bách trong lộ trình phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Với những lý do trên, NCS. Nguyễn Thị Thanh Hương lựa chọn đề tài “Các yếu tố tác động đến tình trạng bỏ học của trẻ em vùng Tây Bắc hiện nay” là chủ đề nghiên cứu luận án của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội

dung chính của luận án gồm 3 chương (163 trang).

Chương 1 (tr.18-55) khái quát *cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài*. Tác giả trình bày tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài, các quan điểm, các phương pháp nghiên cứu (*phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp thu thập thông tin định tính và định lượng*), một số lý thuyết tiếp cận nghiên cứu (*thuyết bỏ học của Morrow, lý thuyết xã hội hóa, quan điểm tộc người*), các khái niệm công cụ (*trình độ học vấn, biến đổi xã hội, gia đình, giới, xã hội hóa*)...

Chương 2 (tr.56-89) phân tích *thực trạng bỏ học của trẻ em vùng Tây Bắc*.

Vùng Tây Bắc là vùng miền núi có vị trí địa chính trị, kinh tế, sinh thái và văn hóa đặc biệt quan trọng, bao gồm 4 tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Hòa Bình. Tuy nhiên, trong xu thế phát triển và hội nhập, Tây Bắc đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là hiện trạng giáo dục và xu hướng bỏ học của trẻ em.

Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy, với số mẫu được hỏi là 402 người tại địa bàn nghiên cứu, số người đạt được trình độ THCS chiếm tỷ lệ chưa tới một nửa số mẫu (34,6%). Còn trong số các dân tộc tham gia phỏng vấn, dân tộc Thái có tỷ lệ đi học cao hơn, nhưng số người đạt học vấn ở mức THPT lại thuộc dân tộc Mường. Mặc dù số hộ gia đình không có con bỏ học chiếm tỷ lệ trên một nửa số người trả lời, song tỷ lệ gia đình có con bỏ học vẫn còn khá cao (21,4% gia đình có con bỏ học trước lớp

6; 38,1% gia đình có con bỏ học trước lớp 12). Như vậy, số lượng các em học sinh không có cơ hội học lên để tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của là địa phương không nhỏ và các em cũng đang đánh mất đi cơ hội thoát ra khỏi cái “vòng luẩn quẩn” của đói nghèo do thất học và thất học do nghèo đã và đang xảy ra tại vùng Tây Bắc. Nguyên nhân chủ yếu là do: không thích học (23%), lực học kém (22%), phải đi làm kiếm sống (18%). Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân khác như học phí cao, trường quá xa, nhưng với tỷ lệ ít.

Trong khi trẻ em nông thôn ở Tây Bắc, nhất là trẻ em khu vực miền núi và là người dân tộc thiểu số với đa số bỏ học do kinh tế khó khăn, khoảng cách giao thông hoặc do rào cản về ngôn ngữ, thì hiện tượng trẻ em ở đô thị trốn tiết học đến quán internet để chơi game và xem các trang web có nội dung giáo dục thiếu lành mạnh vẫn còn tồn tại và phổ biến. Mặt khác, việc cải cách chương trình, phương pháp giáo dục cũng được nhận định là một áp lực đối với học sinh các dân tộc vùng cao. Phương pháp dạy và học mới cùng những thuật ngữ bằng tiếng phổ thông khó hiểu làm cho trẻ em dân tộc thiểu số rất khó khăn trong tiếp thu kiến thức. Hơn thế nữa, vốn từ phổ thông của các em có hạn cũng góp phần tạo nên rào cản cho việc học của học sinh các dân tộc Mông, Khơ Mú, Cống.

Chương 3 (tr.90-136) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của trẻ em vùng Tây Bắc.

*Thứ nhất*, nguyên nhân từ phía gia đình. Những yếu tố như kinh tế khó khăn, mức sống thấp, nghèo đói có ảnh hưởng quyết định đến tình trạng đi học của trẻ em vùng Tây Bắc. Kết quả

nghiên cứu cho thấy, hộ có mức sống càng thấp thì con cái bỏ học và đi học muộn càng nhiều, khi gia đình khó khăn thì trẻ em sớm phải tham gia lao động để phụ giúp gia đình. Bên cạnh đó, yếu tố nhận thức của các bậc cha mẹ và chính bản thân học sinh về giá trị của học tập đối với tương lai chưa thực sự đầy đủ cũng như yếu tố sức khỏe của học sinh đều là nguyên nhân gia tăng tỷ lệ bỏ học ở học sinh phổ thông.

*Thứ hai*, nguyên nhân từ phía nhà trường. Cơ sở vật chất trường lớp vẫn chưa đảm bảo nhu cầu cho học sinh miền núi Tây Bắc. Tại nhiều địa phương, trường học, lớp học còn thiếu thốn những điều kiện cơ bản như điện thấp sáng, nguồn nước sạch, công trình vệ sinh, sân chơi. Bên cạnh đó, việc thu học phí và chi phí ngoài lề của các trường cũng tạo ra nhiều khó khăn cho các gia đình nghèo ở nông thôn, miền núi.

Tình trạng thiếu giáo viên ở cấp phổ thông tại khu vực miền núi liên quan tới một loạt chính sách về chế độ đãi ngộ đối với giáo viên. Có rất ít giáo viên có chất lượng, đặc biệt là giáo viên người dân tộc thiểu số, một bộ phận giáo viên người Kinh không biết tiếng và không hiểu phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số cũng là yếu tố có tác động đến hiện tượng bỏ học của học sinh nơi đây.

Chương trình giáo dục chưa thiết thực, ít phù hợp, đơn điệu, nghèo nàn, trường học chưa thân thiện, gần gũi với học sinh, giáo viên chưa thực sự thể hiện sự quan tâm nhiều đến học sinh dẫn đến tình trạng học sinh chán học, bỏ học.

*Thứ ba*, nguyên nhân từ phía xã hội và cộng đồng. Tình trạng bỏ học nhiều

năm khó khắc phục của vùng Tây Bắc có liên quan đến việc thực hiện chính sách ưu tiên giáo dục. Các chi phí ưu tiên cho việc xây dựng cơ sở trường lớp, tập huấn nâng cao năng lực giáo viên và tổ chức dạy học còn có nhiều bất cập; nội dung, phương pháp giáo dục từ mầm non đến phổ thông đã được đổi mới nhưng còn bộc lộ nhiều hạn chế đối với học sinh dân tộc và miền núi, chương trình học quá tải đối với các em, nhất là những môn như tiếng Việt, ngoại ngữ... và hệ thống sách giáo khoa còn quá nặng. Bên cạnh các yếu tố về chính sách giáo dục, tình trạng di cư của các hộ gia đình cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc bỏ học ở học sinh vùng Tây Bắc. Lối sống du canh du cư, quá trình di động xã hội để tìm những cơ hội mới tạo ra sự bất ổn định về chỗ ở khiến trẻ em phải bỏ học và rất khó khăn để được đi học trở lại; vai trò của các tổ chức ở cơ sở như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân trong việc vận động trẻ em đi học hoặc trẻ em bỏ học trở lại trường còn hạn chế, thiếu cơ chế phối hợp dẫn đến việc huy động trẻ em đi học lại còn gặp nhiều khó khăn.

*Thứ tư*, một số yếu tố liên quan đến vùng dân tộc thiểu số. Rào cản về ngôn ngữ trong giảng dạy và học tập là yếu tố có tác động đến việc bỏ học của học sinh dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc. Nhiều học sinh không biết nói tiếng Kinh gây khó khăn cho việc tiếp thu, lĩnh hội những kiến thức trong quá trình học. Điều này còn khiến cho trẻ em ngại tiếp xúc, giao tiếp với các bạn cùng lớp là người Kinh và với các thầy cô giáo, gây nên tâm lý chán nản, tự ty, không muốn học, không muốn tới trường.

Một trong những yếu tố có tác động mạnh đến tỷ lệ bỏ học của học sinh vùng

Tây Bắc, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số, là khoảng cách từ nhà đến trường, cùng với việc đi lại khó khăn khi đến trường. Ngoài ra, những yếu tố liên quan đến phong tục, tập quán như ưu tiên con trai hơn con gái, tảo hôn, làm việc nhà,... cũng góp phần làm tăng tình trạng bỏ học và thất học của trẻ em nói chung và trẻ em gái nói riêng.

Để khắc phục những thách thức này trong giáo dục ở vùng Tây Bắc, luận án đưa ra một số giải pháp như sau:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn dân và mỗi gia đình đối với việc giáo dục trẻ em.

*Thứ hai*, tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường và đổi mới chương trình giáo dục, quản lý giáo dục: i) xây dựng chương trình và tài liệu giảng dạy phù hợp với từng nhóm học sinh; ii) thực hiện giáo dục song ngữ trong các trường tiểu học có nhiều học sinh dân tộc thiểu số; iii) nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên...

*Thứ ba*, các giải pháp liên quan đến cộng đồng và xã hội. Trong đó, giải pháp liên quan đến cộng đồng bao gồm: Truyền thông nâng cao năng lực cho cộng đồng; Nâng cao năng lực của lãnh đạo xã/phường và trưởng thôn/bản; Phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế cộng đồng.

*Thứ tư*, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục có tính đến đặc điểm riêng của vùng Tây Bắc.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 11/2012.

TV.

giới thiệu